

Bản án số: 68 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 13/12/2018

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Loan và ông Nguyễn Hồng Quảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 398/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2018 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXX-ST ngày 12/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-DS ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 6, khu B, phường C, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Phạm Thanh Q** – sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 6, khu B, phường C, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/9/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng đến tháng 06/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thường xuyên uống rượu về say rượu đánh đập vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình, mặc dù chị, gia đình cùng tổ dân khu phố hòa giải nhưng không có kết quả. Chị đã về nhà ngoại ở Cửa Ông sinh sống từ tháng 3/2018, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là: cháu Phạm Ý L- sinh ngày 06/8/2002 và cháu Phạm Thảo L - sinh ngày 10/11/2008.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi dưỡng cháu Phạm Thảo L, giao cho anh Phạm Thanh Q nuôi dưỡng cháu Phạm Ý L, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết; anh chị không có khoản nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị N giữ nguyên quan điểm như trên.

*/ Bị đơn anh Phạm Thanh Q trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị N đã trình bày. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối tháng 6/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N không chung thủy, chỉ thích nói dối, thích lô đề, mặc dù gia đình đã khuyên nhủ nhưng chị N không thay đổi dẫn đến đánh cãi nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có hai người con chung như chị N đã trình bày, nay nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh được nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết; anh chị không có khoản nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay anh Q vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Q và chị N chung sống (tổ 6, khu B, phường C), bà Bùi Thị T- tổ trưởng xác nhận: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Thanh Q kết hôn năm 2002, sau khi kết hôn về chung sống cùng gia đình nhà nội tại tổ 6, khu B. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận đến tháng 6/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q hay đi uống rượu cùng bạn bè về nhà ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, tổ dân khu phố và gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị N có đơn xin ly hôn, tổ dân khu phố có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/10/2018 anh Q tự ý bỏ về và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/11/2018 anh Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên cả hai phiên họp và hòa giải không tiến hành được. Tại phiên tòa ngày 27/11/2018 anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh Q cũng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, chị N khẳng định tình cảm giữa chị và anh Q thực sự không thể hàn gắn được, hai bên đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù HĐXX đã phân tích để chị N quay về đoàn tụ với anh Q, nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Q.

HĐXX xét thấy, chị N và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn đã xảy ra, nguyên nhân do anh Q thường xuyên rượu chè, ghen tuông, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được tổ dân khu phố và gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Từ đó thấy rằng tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị N và anh Q có hai con chung là cháu: cháu Phạm Ý L- sinh ngày 06/8/2002 và cháu Phạm Thảo L - sinh ngày 10/11/2008.

Chị N đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi dưỡng cháu Phạm Thảo L, giao cho anh Phạm Thanh Q nuôi dưỡng cháu Phạm Ý L, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q có lời khai nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Q không có mặt nên không có lời khai về vấn đề này.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Phạm Ý L và cháu Phạm Thảo L. Cháu Ý L xin được ở cùng bố nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu Thảo L xin được ở cùng mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

HĐXX thấy rằng, mặc dù anh Q đề nghị được nuôi cả hai con chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Q không có mặt nên không đưa ra được tài liệu chứng minh về khả năng nuôi được cả hai con của anh Q. Chị N có công việc và thu nhập ổn định, mặt khác nguyện vọng của hai con chung nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Ý L ở với bố, cháu Thảo L ở với mẹ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không ai đề nghị Tòa án giải quyết, hai bên không có nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Phạm Thanh Q.
- 2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thảo L- sinh ngày 10/11/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu tròn mười tám tuổi; Giao cháu Phạm Ý L- sinh ngày 06/8/2002 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu tròn mười tám tuổi. Chị N, anh Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- 3/ Về tài sản chung và các khoản vay, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- 4/ Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (Chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004181 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả).

Nguyên đơn chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Thanh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA dân sự TP. Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ; án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Duy Hải